

Bản án số: 247/2022/DS-ST

Ngày: 23/12/2022

V/v “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi  
và Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Võ Văn Lường.

2/ Bà Lê Thị Vân.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 562/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Ngày 20/02/2019 âm lịch bà Nguyễn Thị B có tổ chức chơi dây hụi loại 5.000.000 đồng, hai tháng khui một lần, dây hụi gồm 24 phần hụi, tôi tham gia chơi 01 phần hụi. Hình thức chơi hụi là đến ngày khui hụi nếu hụi viên nào bỏ thăm cao thì hốt hụi, hụi viên nào đã hốt hụi rồi thì đến kỳ khui hụi phải đóng hụi chết với số tiền là 5.000.000 đồng. Hụi viên nào hốt hụi thì trả tiền huê hồng cho bà B.2.500.000 đồng.

Dây hụi này tôi đã đóng tiền hụi sống cho bà B được 14 lần, sau đó bà B ngưng không khui hụi nữa mà không trả lại cho tôi số tiền 70.000.000 đồng.

Ngoài ra, năm 2018 và năm 2019 bà B còn mượn tiền của tôi nhiều lần, tổng cộng là 50.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 03/9/2018 âm lịch bà B mượn của tôi 15.000.000 đồng.
  - Ngày 11/9/2018 âm lịch bà B mượn của tôi 15.000.000 đồng.
  - Ngày 01/8/2019 âm lịch bà B mượn của tôi 20.000.000 đồng.
- Như vậy bà B còn nợ tôi tổng cộng 120.000.000 đồng.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà B trả cho tôi số tiền vay là 50.000.000 đồng và 70.000.000 đồng tiền hụi còn nợ nhưng tôi đồng ý trừ lại 2.000.000 đồng tiền đầu thảo nên tổng cộng số tiền bà B phải trả cho tôi là 118.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

\* *Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:* Tôi thừa nhận có vay của bà T tên thường gọi ở địa phương là Bé B1 như nội dung trình bày của bà T, tổng cộng số tiền vay là 50.000.000 đồng, khi vay tiền tôi có ký tên vào biên nhận nhiều lần như sau:

- Ngày 03/9/2018 âm lịch tôi vay 15.000.000 đồng.
- Ngày 11/9/2018 âm lịch tôi vay 15.000.000 đồng.
- Ngày 01/8/2019 âm lịch tôi vay 20.000.000 đồng.

Ngoài ra tôi còn nợ bà T 70.000.000 đồng tiền hụi nhưng trừ đầu thảo 2.000.000 đồng nên còn nợ 68.000.000 đồng.

Tổng số tiền tôi còn nợ bà T là 118.000.000 đồng, do hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên tôi xin trả dần cho bà T 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Bà B phải trả số tiền còn nợ là 118.000.000 đồng, yêu cầu bà B trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà B thừa nhận còn nợ bà T tiền hụi và tiền vay là 118.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả số tiền hụi và tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng góp hụi” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị B có nơi cư trú tại xã Tam Bình, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 09/12/2022 và tại phiên tòa bà B cũng thừa nhận có vay của bà T nhiều lần với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, đồng thời còn nợ 70.000.000 đồng tiền hụi, sau khi trừ tiền đầu thảo 2.000.000 đồng thì bà B còn nợ bà T tổng cộng là 118.000.000 đồng. Bà B cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, thừa nhận còn nợ bà T tổng số tiền vay và hụi là 118.000.000 đồng nên có căn cứ xác định bà B còn nợ bà T tổng số tiền là 118.000.000 đồng, đây là tình

tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy có đủ căn cứ xác định Bà B còn nợ bà T số tiền là 118.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của Bà B trình bày hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần cho bà T 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ không được phía bà T chấp nhận nên không có căn cứ xem xét yêu cầu này của bà B.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thủy.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên bà B có đơn xin giảm án phí do hạn mặn làm toàn bộ sàu riêng là nguồn thu nhập chính của bà B bị chết có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T nên Hội đồng xét xử giảm cho bà B 50% án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, họ, họ, họ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T 50.000.000 đồng tiền vay và 68.000.000 đồng tiền họ, tổng cộng số tiền bà B phải trả cho bà T là 118.000.000 đồng (Một trăm mười tám triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật

Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị B phải chịu 5.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được giảm 50% án phí nên bà B phải nộp 2.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại bà Nguyễn Thị Thanh T3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016828 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Giang**